TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SÔNG MÃ** TỈNH SƠN LA	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2018/DSST
Ngày 29 tháng 3 năm 2018
V/v: Xin ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG MÃ, TỈNH SƠN LA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Tòng Thị Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Quàng Văn Tiện, Bà Lường Thị Khuyển.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà: Bà Hoàng Thị Nhung - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La.

Ngày 29 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở toà án nhân dân huyện Sông Mã, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2017/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2017 về việc: Xin ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2018/QĐXX - ST ngày 14/3/2018 giữa các đương sự sau đây:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Th, sinh năm 1983. Trú tại: Tổ X, thị trấn SM, huyện SM, tỉnh Sơn La. Có mặt tại phiên toà.

2. Bị đơn: Anh Đỗ Xuân T, sinh năm 1984. Trú tại: bản C, xã N, huyện SM, tỉnh Sơn La. Hiện đang Cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở điều trị cai nghiện ma túy tỉnh Sơn La. Vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 06 tháng 10 năm 2017, bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Lê Thị Th trình bày: Chị và anh Đỗ Xuân T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện SM vào tháng 9/2014. Cuộc sống chung hạnh phúc chỉ được một thời gian ngắn thì chị phát hiện anh T không tu chí làm ăn lương thiện, mà chơi bời và sa vào nghiện ma túy, chị đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh T vẫn chứng nào tật đấy, do không chịu đựng được nên chị đã sống ly thân với anh T, hiện nay anh T đang phải đi cai nghiện bắt buộc. Sau khi sống ly thân hơn hai năm chị nhận thấy tình cảm vợ chồng cũng không còn chị có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh T.

Về con chung: anh chị có một con chung là cháu Lê Thị TA, sinh ngày 30/01/2016, nếu ly hôn chị Th yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con cùng vì hiện nay anh T đang chữa trị cai nghiện ma túy, chưa có điều kiện để cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Trong quá trình chung sống anh chị không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 14/3/2018 Tòa án nhân dân huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La đối với anh T thể hiện: Anh và chị Th kết hôn và phát sinh mâu thuẫn đúng như chị Th đã trình bày, tuy nhiên anh vẫn còn tình cảm với chị Th và giữa anh chị đã có con chung, anh muốn cháu có cả bố lẫn mẹ cùng chăm sóc nên không nhất trí ly hôn, yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh chị được đoàn tụ, nếu bằng giá nào chị Th cũng cương quyết ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh chị có con chung là cháu Lê Thị TA, sinh ngày 30/01/2016 nếu ly hôn anh đề nghị chị Th để con chung cho bố mẹ đẻ anh trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng.

Tài sản chung: Trong quá trình chung sống anh chị không có tài sản chung và nợ chung gì nên anh cũng không có ý kiến gì về phần tài sản.

Do đang phải chấp hành việc cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Sơn La, anh T không thể có mặt tại phiên tòa được, ngày 14 tháng 3 năm 2018 anh T có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên Tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quá trình giám sát việc thụ lý giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Việc thụ lý xây dựng hồ sơ vụ án Tòa án huyện Sông Mã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hội đồng xét xử tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm xét xử sơ thẩm đương sự thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Anh T đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên HĐXX căn cứ vào điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh T là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: Cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện xin ly hôn và nuôi con chung của chị Th.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu hồ sơ có trong vụ án được thẩm tra tại

phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn anh Đỗ Xuân T đã được Tòa án tiền hành lấy lời khai thu thập chứng cứ và có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa vì vậy căn cứ vào các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt anh Đỗ Xuân T là phù hợp.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Th và anh Đỗ Xuân T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Sông Mã vào ngày 19/9/2014 là đúng quy định của pháp luật, theo các điều 8, 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Về yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Th: Qua các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ và tại phiên tòa cho thấy chị Th và anh T sau khi kết hôn thời gian chung sống hạnh phúc chỉ được một thời gian ngắn đã phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã nhau do anh T sa vào nghiện ma túy, không tu chí làm ăn lương thiện, bất đồng quan điểm sống, sau đó anh T phải đi cai nghiện bắt buộc tại cơ sở điều trị nghiện ma túy đến nay. Xét mâu thuẫn đã kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 điều 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu đơn xin ly hôn của chị Th, xử cho chị Th được ly hôn anh T là đúng quy định của pháp luật.

[4]. Về con chung: Anh chị có một con chung là cháu Lê Thị TA, sinh ngày 30/01/2016, chị Th và anh T đều có nguyện vọng được nuôi con, tuy nhiên do cháu còn nhỏ (dưới 36 tháng tuổi) và bản thân anh T hiện đang cai nghiện bắt buộc nên không thể có điều kiện chăm sóc và nuôi dưỡng cháu vì vậy cần tiếp tục giao cháu Lê Thị TA cho chị Lê Thị Th trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, giáo dục thì mới đảm bảo quyền lợi mọi mặt của cháu. Chị Th không yêu cầu nên anh T không phải cấp dưỡng nuôi con cùng, vì hiện nay anh T đang đi cai nghiện bắt buộc chưa có điều kiện góp phí tổn nuôi con cùng chị Th, sau này anh T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[5]. Về tài sản chung, nợ chung: Trong thời gian chung sống anh chị không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6]. Về án phí: Chị Lê Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định chung.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 53, khoản 1 điều 56, 57, 58, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Áp dụng Điều 28, 35, 39, 147, 203, 227, 228, 266, 267, 268 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 24, 26 điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 06 tháng 10 năm 2017 của chị Lê Thị Th. Xử cho chị Lê Thị Th được ly hôn anh Đỗ Xuân T.

2. Về con chung: giao cháu Lê Thị TA, sinh ngày 30/01/2016 cho chị Lê Thị Th trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Đỗ Xuân T không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị Th, anh T có quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con, chị Th không được ngăn cản. T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: Chị Lê Thị Th phải chịu án phí xin ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2013/04400 ngày 24 tháng 10 năm 2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Sông Mã.

4. Chị Lê Thị Th được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/3/2018), anh Đỗ Xuân T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tống đạt bản án.

Nơi nhận:
- Toà án tỉnh;
- VKSND huyện Sông Mã;
- THADS huyện Sông Mã;
- Các đương sự;
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Tòng Thị Hồng